

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI THT MẠNH THẮNG

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ VẬN TẢI THT MẠNH THẮNG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: MANH THANG THT TRANSPORTATION SERVICES AND TRADING COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: MANH THANG THT TRANSPORTATION SERVICES AND TRADING CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110905731

3. Ngày thành lập: 03/12/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Phú Nhi, Xã Thanh Lâm, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0989724588

Fax:

Email: hoadam120886@gmail.com

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Vận tải hành khách đường sắt	4911
2.	Vận tải hàng hóa đường sắt	4912
3.	Vận tải hành khách bằng xe buýt trong nội thành	4921
4.	Vận tải hành khách bằng xe buýt giữa nội thành và ngoại thành, liên tỉnh	4922
5.	Vận tải hành khách bằng xe buýt loại khác	4929
6.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
7.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
8.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
9.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
10.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
11.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy	5222
14.	Bốc xếp hàng hóa	5224
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
16.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Loại trừ các hoạt động vận tải hàng không)	5229
17.	Chuyển phát	5320
18.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
19.	Cơ sở lưu trú khác	5590

20.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5610
21.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
22.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
23.	Dịch vụ phục vụ đồ uống (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường)	5630
24.	Đại lý du lịch	7911
25.	Điều hành tua du lịch Chi tiết: - Kinh doanh lữ hành nội địa, kinh doanh lữ hành quốc tế.	7912
26.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
27.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4511
28.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
29.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4513
30.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
31.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4530
32.	Bán mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4541
33.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
34.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4543
35.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4610
36.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (Loại trừ động vật Nhà nước cấm)	4620
37.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
38.	Bán buôn thực phẩm (Trừ động vật hoang dã)	4632
39.	Bán buôn đồ uống	4633
40.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc Lào	4634
41.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641

42.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội và các mặt hàng Nhà nước cấm) (Trừ dược phẩm và dụng cụ y tế)	4649
43.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
44.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Trừ thiết bị thu phát sóng)	4652
45.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
46.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác (Trừ máy móc, thiết bị y tế)	4659
47.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
48.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Loại trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)	4662
49.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
50.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động bán buôn đá quý; Trừ các loại phế liệu nhập khẩu gây ô nhiễm môi trường và các mặt hàng Nhà nước cấm)	4669
51.	Bán buôn tổng hợp (Trừ bán buôn hóa chất, khí dầu mỏ hóa lỏng LPG, dầu nhớt cặn, vàng miếng, súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao và tiền kim khí, loại Nhà nước cấm)	4690(Chính)
52.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
53.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
54.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
55.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
56.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
57.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc láo trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
58.	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
59.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
60.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
61.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
62.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
63.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753

64.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
65.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
66.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
67.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
68.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ đồ chơi, trò chơi nguy hiểm, đồ chơi, trò chơi có hại tới giáo dục nhân cách và sức khỏe của trẻ em hoặc tới an ninh, trật tự an toàn xã hội và các mặt hàng Nhà nước cấm)	4764
69.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
70.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ nước hoa, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
71.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
72.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4774
73.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ	4781
74.	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
75.	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
76.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
77.	Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ	4785
78.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí, hoạt động của đấu giá viên)	4789
79.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Loại trừ hoạt động đấu giá)	4791
80.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá; Không bao gồm các mặt hàng Nhà nước cấm)	4799

6. Vốn điều lệ: 1.500.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

